

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ HTP

OmiPay

**TÀI LIỆU TÍCH HỢP
CHECKOUT TIÊU CHUẨN**

Version 1.0

MỤC LỤC

I.	Giới thiệu.....	3
II.	Mô hình cổng thanh toán	3
	2.1. Mô hình tổng quan.....	4
	2.2. Mô tả trực quan.....	6
III.	Mô tả kết nối	8
	3.1. Môi trường live.....	8
	3.2. Môi trường sandbox.....	8
	3.3. Xây dựng link kết nối tới OMIPAY	9
	3.4. Nhận kết quả trả về.....	10
	3.5. Kiểm tra và nhận kết quả thanh toán (Hàm mới)	12
IV.	Phụ lục	14
	4.1. Bảng mã lỗi (error_code).....	14

I. Giới thiệu

1.1. Mục đích sử dụng

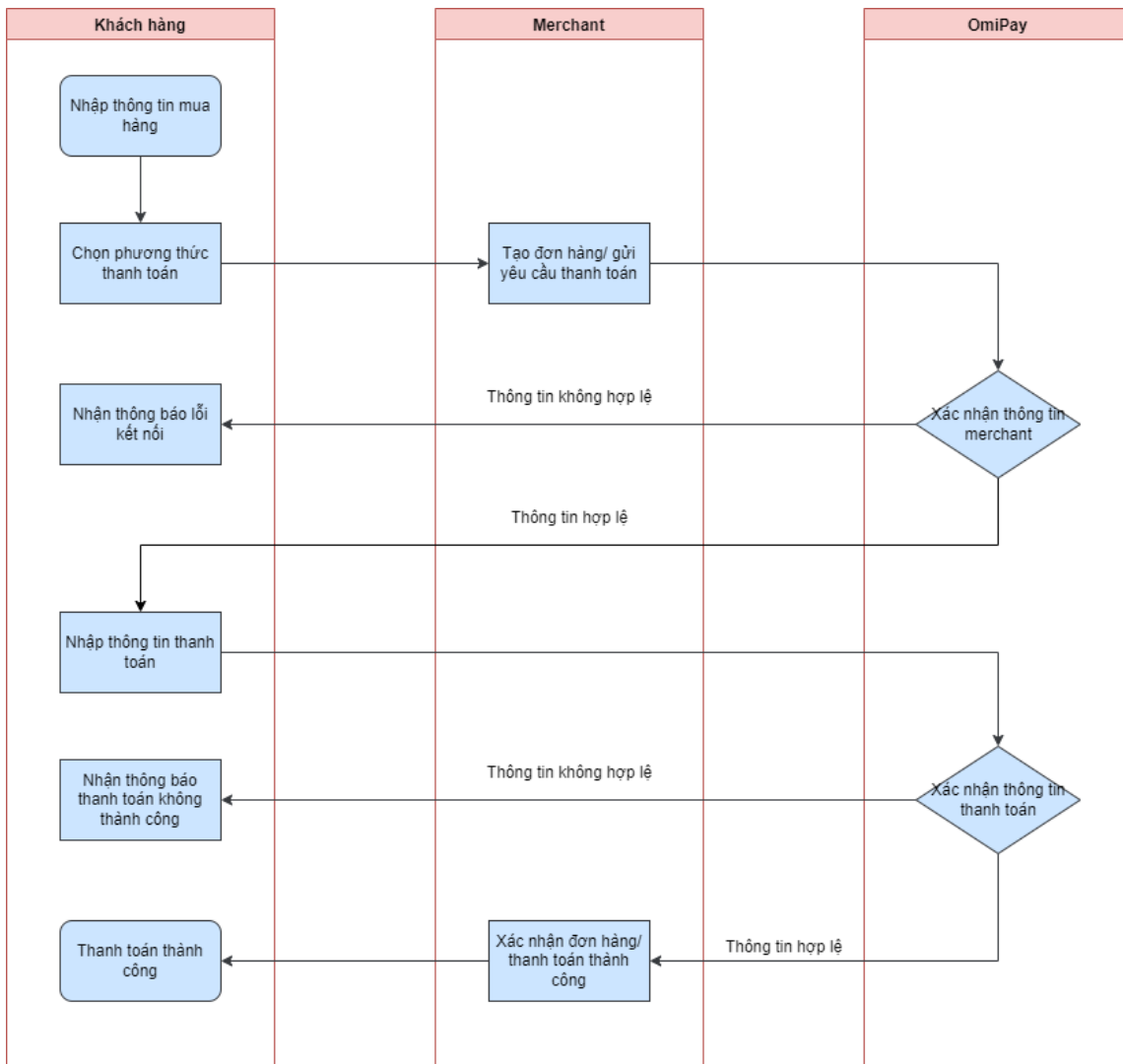
Tài liệu mô tả kết nối, các mô hình, sơ đồ tuần tự, các hàm API của các nghiệp vụ liên quan tới việc kết nối giữa hệ thống/website nhà cung cấp dịch vụ và Cổng thanh toán OmiPay

1.2. Đối tượng sử dụng

Kỹ thuật của hai bên căn cứ vào tài liệu này để xây dựng hệ thống trực tuyến cho phép khách hàng thực hiện giao dịch thanh toán từ website/ứng dụng của đối tác thông qua Cổng thanh toán OmiPay.

II. Mô hình cổng thanh toán

2.1. Mô hình tổng quan



Các bước thực hiện:

Bước 1: Khách hàng chọn hàng hóa/ dịch vụ cần thanh toán

Bước 2: Khách hàng chọn kênh thanh toán qua cổng thanh toán OmiPay trên merchant site

Bước 3: Merchant tạo đơn hàng và gửi đơn hàng sang API OmiPay yêu cầu thanh toán (input tương ứng ở 3.3)

Merchant gửi giá trị của các tham số như: price, order_code, order description, return_url, cancel_url ... buyer_info, ... tới api của Omipay thông qua method GET.

Chú ý :

- **return_url** là link merchant nhận kết quả theo redirect sau khi thanh toán thành công trên OMIPAY
- **cancel_url** là link merchant khi user click button [cancel] trên Omipay sẽ quay về link này
- **notify_url** là link nhận kết quả từ server Omipay gọi về server merchant theo phương thức curl GET

Merchant cần thực hiện điều hướng người dùng sang link checkout_url của Omipay sau khi truyền đủ thông tin để tiếp tục quá trình thanh toán

Bước 4: OmiPay kiểm tra trạng thái merchant hợp lệ:

- Hợp lệ: Tiếp tục giao dịch, chuyển bước 5
- Không hợp lệ: OmiPay trả kết quả merchant, khách hàng nhận thông báo lỗi từ merchant

Bước 5: OmiPay kiểm tra giao dịch thanh toán hợp lệ:

- Không hợp lệ: Khách hàng nhận thông báo lỗi
- Hợp lệ: Omipay trả kết quả thanh toán thành công về Merchant (mục 3.4) và tiến hành điều hướng người dùng quay lại trang return_url của merchant, đồng thời trả kết quả về notify_url

Ví dụ:

merchant khai báo return_url/notify_url=http://yourdomain.com/success.php, thì link OMIPAY điều hướng về merchant là:

```
http://yourdomain.com/success.php?transaction_info=asdasaaa&order_code=23118&price=362000&payment_id=19541562&payment_type=1&error_text=&secure_code=25975c1bf96aed1ac7f885390123dd7d&token_nl=31460-a4bd0471bc45ff343d790c1d7fe0f6cd
```

Bước 6: Merchant xác minh lại giao dịch với Omipay

Merchant cần xác minh lại giao dịch để chắc chắn user không thay đổi link return_url / notify_url và Merchant tiến hành cập nhật db của merchant , ... bằng cách sử dụng api mục 3.5

Chú ý: Trong trường hợp giao dịch offline, timeout, lỗi trên Omipay hoặc các giao dịch review đối với thẻ quốc tế khi người mua close trình duyệt, Omipay sẽ thực hiện call GET curl về link notify_url để trả kết quả về merchant mà không redirect về link return_url.

Ngoài ra merchant có thể tiến hành nhận kết quả theo webservice bằng cách xây dựng hàm đón kết quả updateOrder – như tài liệu api mô tả mục 3.6

2.2. Mô tả trực quan

- Người dùng lựa chọn sản phẩm, nhập thông tin mua hàng trên website của merchant và chọn phương thức thanh toán qua cổng thanh toán OmiPay


Thông tin đơn hàng

#	Tên sản phẩm	Số lượng	Giá tiền (đ)
<input checked="" type="checkbox"/>	Sản phẩm 1	<input type="text" value="1"/>	200000
<input checked="" type="checkbox"/>	Sản phẩm 2	<input type="text" value="1"/>	6000
<input type="checkbox"/>	Sản phẩm 3	<input type="text" value="1"/>	7000
<input type="checkbox"/>	Sản phẩm 4	<input type="text" value="1"/>	8000

Thông tin đơn hàng

#	Tên sản phẩm	Số lượng	Giá tiền (đ)
0	1350 CC Android VN Jewels	1	200000 đ
1	Sản phẩm 2	1	6000 đ

- Merchant thực hiện gửi thông tin sang API của Omipay theo Phương thức GET
 - + Nếu các thông tin đúng, Omipay hiển thị trang checkout trên OMIPAY
 - + Nếu các thông tin sai: Omipay trả về thông báo lỗi tương ứng
- Người dùng chọn phương thức thanh toán và nhập thông tin thanh toán tương ứng trên trang checkout của Omipay

OmiPay 

Người bán:
Merchant Demo

Đơn hàng:
OM_1635525549


Giá trị đơn hàng:
20.000 đ

Thông tin:
Thanh toán đơn hàng OM_1635525549

Chọn phương thức thanh toán

Ví OmiPAY

Online qua ngân hàng nội địa
Thanh toán trực tiếp bằng Internet Banking hoặc Thẻ ATM

OmiPay 

Người bán:
Merchant Demo

Đơn hàng:
OM_1635525549

Giá trị đơn hàng:
20.000 đ

Thông tin:
Thanh toán đơn hàng OM_1635525549

Online bằng thẻ ATM

MARITIME BANK Maritime Bank - Hàng Hải Việt Nam

Số thẻ ATM:

Tên chủ thẻ:

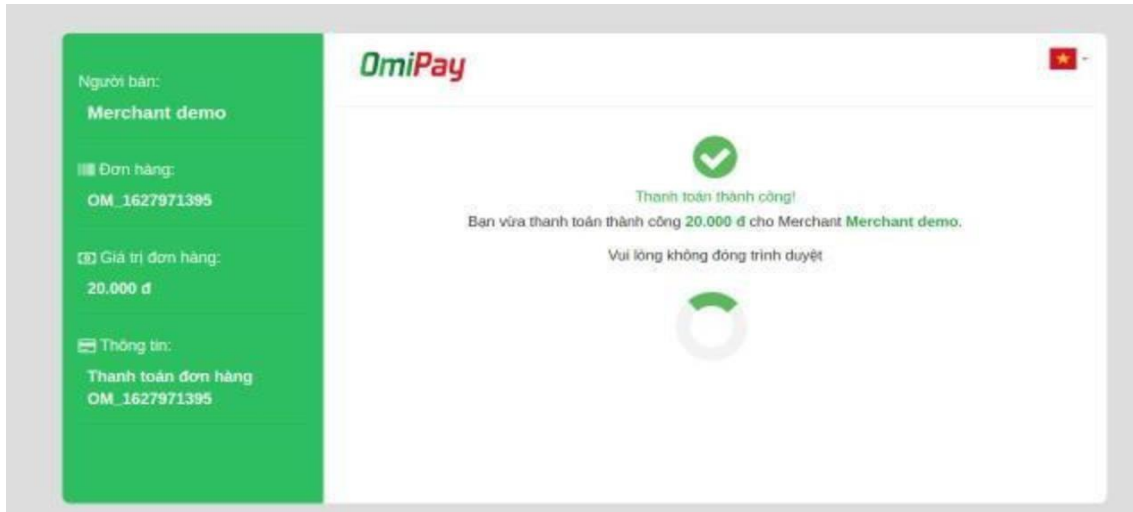
Ngày phát hành: Tháng 1 2021

Mã bảo mật: **B82**

Phí thanh toán: 1.760 đ + 1.1%

Tổng tiền: **21.980 đ**

- Người mua thanh toán thành công, OmiPAY thông báo thanh toán thành công cho người mua và trả kết quả về cho merchant



III. Mô tả kết nối

3.1. Môi trường live

- Địa chỉ api kết nối: _

<https://checkout.omipay.vn/checkout.php>

- Địa chỉ khai báo website (merchant): để lấy thông tin **merchant_site_code** và **secure_pass**

<https://account.omipay.vn/account/merchant.html>

3.2. Môi trường sandbox

- Địa chỉ api kết nối: <https://checkout-sandbox.omipay.vn/checkout.php>

- Lưu ý:

+ Đăng ký tài khoản: chọn hình thức xác thực giao dịch là mật khẩu giao dịch

+ Thanh toán bằng ATM Online: chọn ngân hàng Maritimebank với thông tin thẻ:

- Số thẻ: 9704000000000018
- Họ tên chủ thẻ: Nguyen Van A
- Ngày phát hành: 03/07
- Mã OTP: otp

3.3. Xây dựng link kết nối tới OMIPAY

- Sử dụng phương thức **GET** để tạo link thanh toán

Tham số gửi sang OMIPAY			
Tên trường	Kiểu	Null	Mô tả
merchant_site_code	String(10)	No	Mã website/ merchant đã khai báo tại OMIPAY (ID kết nối)
return_url	String(500)	No	Địa chỉ trang merchant nhận kết quả thanh toán để xử lý và thông báo đơn hàng thanh toán thành công trên merchant
receiver	String(255)	No	Email OMIPAY của merchant dùng để nhận tiền thanh toán
transaction_info	String(500)	Yes	Thông tin giao dịch
order_code	String(150)	No	Mã đơn hàng, tên sản phẩm, tên dịch vụ... của merchant Giá trị này có thể trùng nếu là tên sản phẩm hoặc tên dịch vụ. Khuyến cáo không nên để trùng nếu là mã đơn hàng.
price	Int(11)	No	Tổng số tiền đơn hàng cần thanh toán
currency	string(3)	No	Mã tiền tệ. Nhận 1 trong 2 giá trị vnd hoặc usd
quantity	Int(1)	No	Số lượng đơn hàng
tax	Int(11)	No	Số tiền thuế
discount	Int(11)	No	Số tiền giảm giá
fee_cal	int(1)	No	Nhận giá trị 0 hoặc 1. Do trên hệ thống OMIPAY cho phép chủ tài khoản cấu hình cho nhập/thay đổi phí lúc thanh toán hay không. Nếu website của bạn đã có phí vận chuyển và không cho sửa thì đặt tham số này = 0
fee_shipping	int(11)	No	Phí vận chuyển

order_description	string(1000)	Yes	Mô tả về sản phẩm, đơn hàng, ...
buyer_info	string(255)	Yes	Thông tin người mua có cấu trúc string: "Họ tên người mua * * Địa chỉ Email * * Điện thoại * * Địa chỉ nhận hàng"
affiliate_code	string(100)	Yes	Mã đối tác tham gia chương trình liên kết của OMIPAY
lang	String(3)	Yes	Ngôn ngữ hiển thị trên trang thanh toán checkout của OMIPAY nhận 1 trong 2 giá trị: vi,en
secure_code	string(100)	No	MD5 Của chuỗi giá trị các tham số nối nhau bằng dấu cách: secure_code =MD5(Merchant_site_code + ' ' + return_url + ' ' + receiver + ' ' + transaction_info + ' ' + order_code + ' ' + price + ' ' + currency + ' ' + quantity + ' ' + tax + ' ' + discount + ' ' + fee_cal + ' ' + fee_shipping + ' ' + order_description + ' ' + buyer_info + ' ' + affiliate_code + ' ' + secure_pass ')` Trong đó secure_pass : là mật khẩu kết nối tương ứng merchant_site_code
cancel_url	string(500)	Yes	Link hủy thanh toán, khi người dùng bấm vào nút hủy thanh toán
notify_url	string(500)	Yes	Link nhận kết quả trả về qua server sau khi thanh toán thành công
time_limit	String(16)	Yes	Thời gian cho phép thanh toán. Cấu trúc tham số này như sau: dd/mm/yyyy,hh:ii. VD: Thời hạn thanh toán đơn hàng là 16h30 ngày 30/4/2014 thì giá trị phải gửi sang là 30/04/2014,16:30
installment	boolean	no	Nhận giá trị 0 và 1, trường hợp thanh toán trả góp thì giá trị truyền vào là 1

inpage	boolean	no	Nhận giá trị 0 và 1, nếu là checkout Iframe thì giá trị truyền vào là 1
payment_method_id	Int(11)	no	Phương thức thanh toán khi checkout Iframe, trường hợp checkout thường thì payment_method_id là 0

3.4. Nhận kết quả trả về

- Kết quả trả về theo 2 hình thức: **Return_url** hoặc **webservice** theo return_url, notify_url (phương thức GET)

- Sau khi thanh toán thành công OMIPAY sẽ chuyển hướng về link **return_url** mà merchant đã gửi lên OMIPAY ở bước Buildcheckout kèm theo các thông số thanh toán thành công, đồng thời trả kết quả giao dịch về **notify_url** theo phương thức curl GET

Chú ý:

- + Data trả về trên **return_url** và **notify_url** là tương tự nhau
- + Khi merchant nhận được data trả về từ OMIPAY thì phản hồi lại giá trị 1

Tham số OMIPAY trả về cho Merchant		
Tên trường	Kiểu	Mô tả
transaction_info	String(255)	Thông tin về giao dịch, Giá trị do website gửi sang
price	Int(11)	Tổng tiền đã thanh toán
payment_id	Int(11)	Mã giao dịch tại OMIPAY
payment_type	Int(1)	Hình thức thanh toán: 1 - Thanh toán ngay (tiền đã chuyển vào tài khoản OMIPAY của người bán); 2 - Thanh toán Tạm giữ (tiền người mua đã thanh toán nhưng OMIPAY đang giữ hộ)
error_text	String(255)	Giao dịch thanh toán có bị lỗi hay không. \$error_text == "" là không có lỗi. Nếu có lỗi, mô tả lỗi được chứa trong \$error_text
secure_code	String(50)	Mã checksum (mã để kiểm tra, xác minh thanh toán)
token_nl	String	Token OMIPAY trả về
order_code	String(255)	Mã hoá đơn/tên sản phẩm

- Thực hiện xác minh thông tin thanh toán

Để xác minh thông tin thanh toán, bạn thực hiện bước kiểm tra thông tin bằng cách md5 chuỗi các tham số nối nhau bằng các dấu cách:

verify_secure_code = ' ' + transaction_info + ' ' + order_code + ' ' + price + ' ' + payment_id + ' ' + payment_type + ' ' + error_text + ' ' + merchant_site_code + ' ' + **secure_pass**

verify_secure_code = MD5(verify_secure_code)

Trong đó **secure_pass**: là mật khẩu kết nối tương ứng merchant_site_code

Nếu **verify_secure_code** = secure_code ? Giao dịch thành công, bạn có thể cung cấp hàng cho khách hàng.

3.5. Kiểm tra và nhận kết quả thanh toán (Hàm mới)

API kết nối:

- Môi trường live: xx/service/order/checkV1

- Môi trường sandbox: xx/service/order/checkV1

- Hàm **GetTransactionDetail** dùng để kiểm tra trạng thái thanh toán, truy vấn thông tin giao dịch của một đơn hàng

Thông số đầu vào (form-data)		
Tên trường	Kiểu	Mô tả
merchant_id	string	Mã merchant khai báo tại OMIPAY
order_code	string	Mã đơn hàng merchant cần kiểm tra.
checksum	string	MD5(order_code + ' ' + merchant_password) (Lưu ý: merchant_password là mật khẩu kết nối giữa merchant và OMIPAY)
Thông số đầu ra(là chuỗi json)		
error_code	string	Mô tả các mã lỗi: 00 => Thành công 06 => Mã merchant không tồn tại hoặc chưa được kích hoạt 03 => Sai tham số gửi tới OMIPAY (có tham số sai tên hoặc kiểu dữ liệu), sai checksum 01 => Sai phương thức, không đúng phương thức POST 29 => Token không tồn tại

		81 => Đơn hàng chưa được thanh toán 99 => Lỗi không xác định 13 => Đơn hàng không đúng của Merchant
data	String	Chuỗi json gồm các tham số dưới đây:
token	string	Mã token ghi nhận giao dịch duy nhất tại OMIPAY
receiver_email	string	Email OMIPAY của người bán/nhận tiền
order_code	string	Mã hóa đơn do website bán hàng sinh ra
total_amount	Integer	Tổng số tiền của hóa đơn
payment_method	string	Phương thức thanh toán nhận các giá trị sau: OM: Thanh toán qua số dư ví ATM_ONLINE: Thanh toán online dùng thẻ ATM/Tài khoản ngân hàng trong nước
bank_code	string	Mã Ngân hàng
payment_type	string	Kiểu giao dịch: 1 - Ngay; 2 - Tạm giữ; Nếu không truyền hoặc bằng rỗng thì lấy theo chính sách của OMIPAY
order_description	string	Mô tả đơn hàng
tax_amount	numeric	Tổng số tiền thuế
discount_amount	numeric	Số tiền giảm giá
fee_shipping	numeric	Phí vận chuyển
return_url	string	Địa chỉ website nhận thông báo giao dịch thành công
cancel_url	string	Địa chỉ website nhận "Hủy giao dịch"
buyer_fullname	string	Tên người mua hàng
buyer_email	string	Địa chỉ Email người mua

buyer_mobile	string	Điện thoại người mua
buyer_address	string	Địa chỉ người mua hàng
affiliate_code	string	Mã đối tác làm đại lý của OMIPAY
transaction_status	string	00 - Đã thanh toán;
transaction_id	string	Mã giao dịch thanh toán tại OMIPAY

IV. Phụ lục

4.1. Bảng mã lỗi (error_code)

Bảng danh sách mã lỗi	
Mã lỗi	Mô tả
00	Không có lỗi
99	Lỗi không được định nghĩa hoặc không rõ nguyên nhân
02	Địa chỉ IP của merchant gọi tới OMIPAY không được chấp nhận
03	Sai tham số gửi tới OMIPAY (có tham số sai tên hoặc kiểu dữ liệu)
04	Tên hàm API do merchant gọi tới không hợp lệ (không tồn tại)
05	Sai version của API
06	Mã merchant không tồn tại hoặc chưa được kích hoạt
07	Sai mật khẩu của merchant
08	Tài khoản người bán hàng không tồn tại
09	Tài khoản người nhận tiền đang bị phong tỏa
10	Hóa đơn thanh toán không hợp lệ
11	Số tiền thanh toán không hợp lệ
12	Đơn vị tiền tệ không hợp lệ
29	Token không tồn tại
80	Không thêm được đơn hàng

81	Đơn hàng chưa được thanh toán
110	Địa chỉ email tài khoản nhận tiền không phải email chính
111	Tài khoản nhận tiền đang bị khóa
113	Tài khoản nhận tiền chưa cấu hình là người bán nội dung số
114	Giao dịch đang thực hiện, chưa kết thúc
115	Giao dịch bị hủy
118	tax_amount không hợp lệ
119	discount_amount không hợp lệ
120	fee_shipping không hợp lệ
121	return_url không hợp lệ
122	cancel_url không hợp lệ
123	items không hợp lệ
124	transaction_info không hợp lệ
125	quantity không hợp lệ
126	order_description không hợp lệ
127	affiliate_code không hợp lệ
128	time_limit không hợp lệ
129	buyer_fullname không hợp lệ
130	buyer_email không hợp lệ
131	buyer_mobile không hợp lệ
132	buyer_address không hợp lệ
133	total_item không hợp lệ
134	payment_method, bank_code không hợp lệ
135	Lỗi kết nối tới hệ thống ngân hàng
140	Đơn hàng không hỗ trợ thanh toán trả góp